TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-02-2020
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Huỳnh Liêm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Kiên Ngọc Minh
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 422/2019/TLST-HN Ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hồng Ng, sinh năm 1980 (có mặt).
HKTT: Khóm 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh TV.
Tạm trú: Tổ 15 Khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-11-2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị Hồng Ng trình bày: Vào năm 2008 chị với anh Nguyễn Văn B quen biết nhau xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc. Sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị không đồng ý theo anh B về quê bên mẹ chồng sinh sống. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vả nhau, anh B bỏ bê gia đình không còn quan tâm, chăm sóc lúc chị mang thai, gia đình hai bên khuyên can nhưng không được.

Nay tình cảm hạnh phúc vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Võ Khánh B, sinh ngày 16/10/2009 và Nguyễn Võ Gia H, sinh ngày 18/9/2019 hiện nay hai con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo cho anh B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, ngày 11-02-2020 bị đơn anh Nguyễn Văn B có cho Tòa án lấy lời khai và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo biên bản lấy lời khai anh B trình bày: Anh với chị Võ Thị Hồng Ng là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới vợ chồng lên thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sau một thời gian anh kêu chị Ng về bên mẹ ruột của anh để làm ăn nhưng chị Ng không đồng ý. Từ đó, vợ chồng có nhiều phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống nên anh về nhà mẹ ruột sống ly thân với chị Ng từ đó đến nay khoảng một năm rưỡi cho đến nay. Nay chị Ng xin ly hôn với anh thì anh không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị Ng.

Về con chung: con tên Nguyễn Võ Khánh B, sinh ngày 16/10/2009 còn một đứa con sau anh không biết tên gì vì lúc vợ chồng ly thân vợ anh đang mang thai và sinh ra không cho anh biết con tên gì. Nếu vợ chồng ly hôn thì con theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 39, quyển số: 01 ngày 16 tháng 5 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp cho chị Võ Thị Hồng Ng và anh Nguyễn Văn B đã xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Yêu cầu xin ly hôn của chị Ng đối với anh B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân

huyện Càng Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét lời khai của chị Võ Thị Hồng Ng với lời khai của anh Nguyễn Văn B về nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do hai bên không cùng chung quan điểm với nhau về nơi làm ăn sinh sống, chị Ng thì cương quyết ở thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, buôn bán còn anh B thì muốn bà Ngân về quê mẹ ruột ở khóm 9, thị trấn Càng Long sinh sống. Từ đó, trong cuộc sống hôn nhân luôn bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi với nhau, cuộc sống mỗi người sống một nơi, thân ai nấy lo, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Cụ thể, anh B đã bỏ mặc chị Ng trong lúc chị Ng mang thai đến khi sinh cháu Nguyễn Võ Gia H cho đến nay anh B cũng chưa biết mặt và tên của cháu H. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng chị Ng với anh B đã không sống với nhau, không còn mang lại hạnh phúc cho nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khi đó, anh B cũng có lời khai thống nhất theo yêu cầu xin ly hôn của chị Ng. Từ những mâu thuẫn trên, việc yêu cầu xin ly hôn của chị Ng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị Ng và anh B có hai người con tên Nguyễn Võ Khánh B, sinh ngày 16-10-2009 và Nguyễn Võ Gia H, sinh ngày 18-9-2019. Thấy rằng, cháu B và cháu H hiện nay đều đang sống chung với chị Ng ổn định và cháu B cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Ng khi cha mẹ ly hôn. Tại bản khai, anh B yêu cầu hai con theo ai thì người đó nuôi. Tại phiên tòa, chị Ng khẳng định đủ điều kiện về mọi mặt để lo cho con Nguyễn Võ Khánh B và Nguyễn Võ Gia H nếu hai con tiếp tục sống với chị. Nghĩ nên chấp nhận giao hai con chung tên Nguyễn Võ Khánh B và Nguyễn Võ Gia H cho chị Ng tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp. Khi đó, anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo bản khai ngày 11-02-2020 anh B cũng thống nhất theo yêu cầu của chị Ng là không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, chị Ng được quyền yêu cầu anh B thực hiện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh B đều có lời khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị Hồng Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 2 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Hồng Ng;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Hồng Ng được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số: 01 ngày 16 tháng 5 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị Hồng Ng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Võ Khánh B, sinh ngày 16/10/2009 và Nguyễn Võ Gia H, sinh ngày 18/9/2019.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Hồng Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Hồng Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Ng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007260 ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long. Do đó, chị Ng không phải nộp tiếp.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Võ Thị Hồng Ng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện C;
- UBND thị trấn M,
huyện N, tỉnh TV;
- Các đương sư;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Huỳnh Liêm